

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 32



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay; cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Trương Đình Quý	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Sincere Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better
working world

Số tham chiếu: 61059820/17794878

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-01

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		388.332.840.743	402.977.446.323
110	I. Tiền	4	258.921.869.788	286.617.010.811
111	1. Tiền		258.921.869.788	286.617.010.811
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.814.022.613	88.648.619.039
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	70.159.993.770	62.941.721.716
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.102.011.848	1.923.986.450
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	26.588.338.924	24.774.602.733
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(1.036.321.929)	(991.691.860)
140	III. Hàng tồn kho	7	6.169.717.751	4.808.138.654
141	1. Hàng tồn kho		6.169.717.751	4.808.138.654
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		25.427.230.591	22.903.677.819
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	25.427.230.591	22.903.677.819
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.319.873.514.350	1.975.392.444.090
210	I. Khoản phải thu dài hạn		599.900.000	517.900.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	599.900.000	517.900.000
220	II. Tài sản cố định		2.156.402.246.406	1.868.924.674.118
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.933.842.939.923	1.698.613.001.616
222	Nguyên giá		3.369.531.866.870	2.963.065.047.450
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.435.688.926.947)	(1.264.452.045.834)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	222.512.084.254	170.218.283.581
225	Nguyên giá		264.259.999.952	222.760.543.383
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.747.915.698)	(52.542.259.802)
227	3. Tài sản vô hình	10	47.222.229	93.388.921
228	Nguyên giá		1.218.289.000	1.218.289.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.171.066.771)	(1.124.900.079)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	8.490.900.000	8.490.900.000
231	1. Nguyên giá		8.490.900.000	8.490.900.000
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		24.605.672.730	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	24.605.672.730	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		36.000.000.000	36.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	36.000.000.000	36.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		93.774.795.214	61.458.969.972
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	91.774.795.214	60.358.969.972
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.000.000.000	1.100.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.708.206.355.093	2.378.369.890.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.300.311.695.026	1.095.292.436.512
310	I. Nợ ngắn hạn		604.130.646.762	518.975.538.132
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		39.269.814.964	19.524.143.826
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	737.366.037	5.613.859.403
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	58.775.356.654	49.291.574.331
314	4. Phải trả người lao động		29.460.421.695	49.719.085.729
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	144.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	94.006.262.935	77.206.111.137
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	338.671.734.341	279.010.083.547
	Trong đó:			
	- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		338.671.734.341	279.010.083.547
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		43.209.690.136	38.610.536.159
330	II. Nợ dài hạn		696.181.048.264	576.316.898.380
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.115.092.270	707.069.756
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	169.652.863.547	144.714.956.869
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	525.413.092.447	430.894.871.755
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.407.894.660.067	1.283.077.453.901
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.407.894.660.067	1.283.077.453.901
411	1. Vốn cổ phần	20.1	678.591.920.000	565.495.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	565.495.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	86.929.263.110	200.026.023.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	20.1	224.072.333.774	176.299.564.453
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	418.301.143.183	341.256.706.338
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		341.256.706.338	250.686.647.613
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		77.044.436.845	90.570.058.725
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.708.206.355.093	2.378.369.890.413

Võ Việt Nga
Người lập

Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	4.079.210.682.329	3.634.241.664.819
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 26	(3.471.149.299.306)	(3.034.603.052.767)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		608.061.383.023	599.638.612.052
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	9.315.470.458	7.691.616.823
22	5. Chi phí tài chính	23	(68.070.106.139)	(61.159.388.329)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(68.068.783.530)	(61.158.462.788)
25	6. Chi phí bán hàng	24, 26	(175.572.368.867)	(141.784.627.344)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 26	(105.066.190.123)	(98.691.026.915)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		268.668.188.352	305.695.186.287
31	9. Thu nhập khác	25	145.126.088.801	91.161.591.765
32	10. Chi phí khác	25	(42.296.996)	(730.296.905)
40	11. Lợi nhuận khác	25	145.083.791.805	90.431.294.860
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		413.751.980.157	396.126.481.147
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(96.166.851.349)	(92.344.498.011)
52	14. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	27.3	900.000.000	660.000.000
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		318.485.128.808	304.441.983.136



Võ Việt Nga
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		413.751.980.157	396.126.481.147
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	8, 9, 10	435.316.487.047	372.471.208.587
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		44.630.069	(1.384.195.171)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(151.508.213.076)	(94.758.042.569)
06	Chi phí lãi vay	23	68.068.783.530	61.158.462.788
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		765.673.667.727	733.613.914.782
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(9.292.033.643)	86.775.671.186
10	Tăng hàng tồn kho		(1.361.579.097)	(121.740.621)
11	Tăng các khoản phải trả		295.329.125	18.492.186.691
12	Tăng chi phí trả trước		(33.939.378.014)	(57.179.143.173)
14	Tiền lãi vay đã trả		(67.439.127.207)	(60.673.627.804)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(96.592.302.658)	(85.516.556.679)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.937.906.678	21.689.124.693
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.350.384.665)	(41.322.305.976)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		523.932.098.246	615.757.523.099
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(765.238.871.501)	(768.045.223.181)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		174.304.369.364	112.318.181.852
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.500.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được	21.2	9.301.336.382	7.687.929.925
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(581.633.165.755)	(646.539.111.404)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		503.156.500.000	528.931.300.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(294.254.721.353)	(234.994.246.893)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(54.721.907.161)	(41.449.392.743)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(124.173.945.000)	(143.204.765.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		30.005.926.486	109.282.895.364

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.695.141.023)	78.501.307.059
60	Tiền đầu năm		286.617.010.811	208.115.703.752
70	Tiền cuối năm	4	258.921.869.788	286.617.010.811



Võ Việt Nga
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng




Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay; cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16.151 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 15.225).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.196.265.299	18.989.454.987
Tiền gửi ngân hàng	247.725.604.489	267.627.555.824
TỔNG CỘNG	258.921.869.788	286.617.010.811

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	55.928.191.886	49.642.971.550
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng mặt	13.570.667.265	12.714.729.600
Khác	661.134.619	584.020.566
TỔNG CỘNG	70.159.993.770	62.941.721.716
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.036.321.929)	(991.691.860)
GIÁ TRỊ THUẦN	69.123.671.841	61.950.029.856

Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	991.691.860	875.887.031
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	100.298.414	169.238.131
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(55.668.345)	(53.433.302)
Số cuối năm	1.036.321.929	991.691.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	26.588.338.924	24.774.602.733
Tạm ứng cho nhân viên	12.194.772.236	9.242.906.692
Thuế thu nhập cá nhân phải thu tài xế và nhân viên	7.547.616.385	3.676.027.396
Phải thu vé máy bay	1.916.066.479	1.709.096.322
Ký quỹ, ký cược	1.421.417.800	1.451.497.800
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	1.002.829.343	885.168.434
Khác	2.505.636.681	7.809.906.089
Dài hạn	599.900.000	517.900.000
Ký quỹ, ký cược	599.900.000	517.900.000
TỔNG CỘNG	<u>27.188.238.924</u>	<u>25.292.502.733</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>26.024.803.096</i>	<i>19.151.761.001</i>
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>1.163.435.828</i>	<i>6.140.741.732</i>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	<u>6.169.717.751</u>	<u>4.808.138.654</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	599.826.164	2.961.602.935.017	862.286.269	2.963.065.047.450
Mua mới	3.722.341.000	616.297.779.178	43.250.000	620.063.370.178
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	92.828.725.258	-	92.828.725.258
Thanh lý	-	(306.425.276.016)	-	(306.425.276.016)
Số cuối năm	4.322.167.164	3.364.304.163.437	905.536.269	3.369.531.866.870
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	599.826.164	10.296.975.668	386.870.969	11.283.672.801
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	590.023.753	1.263.319.481.831	542.540.250	1.264.452.045.834
Khấu hao trong năm	413.659.594	405.401.462.323	91.760.874	405.906.882.791
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	40.157.781.668	-	40.157.781.668
Thanh lý	-	(274.827.783.346)	-	(274.827.783.346)
Số cuối năm	1.003.683.347	1.434.050.942.476	634.301.124	1.435.688.926.947
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	9.802.411	1.698.283.453.186	319.746.019	1.698.613.001.616
Số cuối năm	3.318.483.817	1.930.253.220.961	271.235.145	1.933.842.939.923

Trong đó:

Tài sản sử dụng để thế chấp
(Thuyết minh số 19)
Tài sản sử dụng để bảo lãnh thanh toán

	-	1.204.972.760.446	-	1.204.972.760.446
	-	69.367.833.933	-	69.367.833.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	222.760.543.383
Thuê mới	134.328.181.827
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	<u>(92.828.725.258)</u>
Số cuối năm	<u>264.259.999.952</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	52.542.259.802
Khấu hao trong năm	29.363.437.564
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	<u>(40.157.781.668)</u>
Số cuối năm	<u>41.747.915.698</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>170.218.283.581</u>
Số cuối năm	<u>222.512.084.254</u>

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.218.289.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<u>1.088.289.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	1.124.900.079
Hao mòn trong năm	<u>46.166.692</u>
Số cuối năm	<u>1.171.066.771</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>93.388.921</u>
Số cuối năm	<u>47.222.229</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất của lô đất tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và được nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá. Quyền sử dụng đất này không bị hao mòn do có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, dựa vào điều kiện thị trường và vị trí của lô đất này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị sổ sách vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phương tiện vận tải	24.605.672.730	-

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (*)	36.000.000.000	36.000.000.000

(*) Chi tiết đầu tư vào công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	%	Giá trị đầu tư VND	%
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	36.000.000.000	90%	36.000.000.000	90%

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện hành của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	25.427.230.591	22.903.677.819
Bảo hiểm vật chất xe	11.590.526.902	9.714.621.273
Phí bảo trì đường bộ	4.665.808.915	3.363.200.000
Công cụ, dụng cụ đang dùng	606.024.862	639.244.215
Đồng phục nhân viên	-	2.770.585.398
Khác	8.564.869.912	6.416.026.933
Dài hạn	91.774.795.214	60.358.969.972
Tiền thuê văn phòng trả trước	55.078.036.072	56.389.417.888
Công cụ, dụng cụ đang dùng	33.670.194.976	1.512.079.807
Phí bảo trì đường bộ	103.945.000	33.690.600
Chi phí nâng cấp, cải tạo văn phòng	1.827.511.882	678.781.716
Khác	1.095.107.284	1.744.999.961
TỔNG CỘNG	117.202.025.805	83.262.647.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước để mua phương tiện vận tải	500.000.000	5.200.000.000
Khác	237.366.037	413.859.403
TỔNG CỘNG	737.366.037	5.613.859.403

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	26.735.507.007	96.166.851.349	(96.592.302.658)	26.310.055.698
Thuế giá trị gia tăng	16.740.481.658	237.176.669.988	(229.402.352.404)	24.514.799.242
Thuế thu nhập cá nhân	5.815.585.666	9.320.298.063	(7.185.382.015)	7.950.501.714
Khác	-	47.266.913	(47.266.913)	-
TỔNG CỘNG	49.291.574.331	342.711.086.313	(333.227.303.990)	58.775.356.654

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	68.466.752.000	56.922.313.000
Phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và quỹ khen thưởng vượt kế hoạch	14.893.181.648	11.525.135.395
Bảo hiểm vật chất xe	3.841.616.543	3.177.225.138
Lãi vay	3.818.058.714	3.188.402.391
Khác	2.986.654.030	2.393.035.213
TỔNG CỘNG	94.006.262.935	77.206.111.137

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	120.965.154.500	108.067.973.200
Nhận ký quỹ từ khách hàng	37.187.709.047	30.146.983.669
Dự phòng trợ cấp thôi việc	10.000.000.000	5.000.000.000
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	169.652.863.547	144.714.956.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	723.126.549.820	617.657.471.173
Thuê tài chính (ii)	140.958.276.968	92.247.484.129
TỔNG CỘNG	864.084.826.788	709.904.955.302
Trong đó:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	338.671.734.341	279.010.083.547
+ Vay từ ngân hàng	287.715.315.209	238.732.244.527
+ Nợ thuê tài chính	50.956.419.132	40.277.839.020
Nợ dài hạn	525.413.092.447	430.894.871.755

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	617.657.471.173	399.723.800.000	(294.254.721.353)	723.126.549.820
Nợ thuê tài chính	92.247.484.129	103.432.700.000	(54.721.907.161)	140.958.276.968
TỔNG CỘNG	709.904.955.302	503.156.500.000	(348.976.628.514)	864.084.826.788

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) *Vay dài hạn từ các ngân hàng*

Công ty vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để mua phương tiện vận tải cho việc kinh doanh dịch vụ taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất (mỗi năm)	Hình thức đảm bảo
	Vay dài hạn đến hạn trả (đến ngày 31/12/2016)	Vay dài hạn			
	VND	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	116.758.980.000	188.506.125.000	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 1 năm 2019	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2,5%	1.015 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	76.751.583.454	127.384.596.669	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 9 năm 2019	Lãi suất cơ bản VND 3 tháng + biên độ từ 1,5% đến 2%	714 xe
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	94.204.751.755	119.520.512.942	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2016 đến ngày 4 tháng 11 năm 2019	Lãi suất cơ bản + lãi biến từ - 0,6% đến -1%	916 xe
TỔNG CỘNG	287.715.315.209	435.411.234.611			

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Diễn giải	2016			
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
Thanh toán	73.138.131.885	72.763.633.223	72.424.853.271	69.388.696.830
				287.715.315.209
				Tổng cộng

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(ii) Thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế phương tiện vận tải theo hợp đồng thuế tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	
Dưới 1 năm	60.320.116.194	9.363.697.062	50.956.419.132	6.564.483.034	40.277.839.020
Từ 1 - 5 năm	97.529.972.263	7.528.114.427	90.001.857.836	4.924.645.085	51.989.645.109
TỔNG CỘNG	157.850.088.457	16.891.811.489	140.958.276.968	11.489.128.119	92.247.484.129



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	434.998.180.000	330.523.003.110	130.633.266.982	250.686.647.613	1.146.841.097.705
Phát hành cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu	130.496.980.000	(130.496.980.000)	-	-	304.441.983.136
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	45.666.297.471	(45.666.297.471)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(41.099.667.723)	(41.099.667.723)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.696.927.217)	(12.696.927.217)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(113.099.032.000)	(113.099.032.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(1.310.000.000)	(1.310.000.000)
Khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	565.495.160.000	200.026.023.110	176.299.564.453	341.256.706.338	1.283.077.453.901
Năm nay					
Số đầu năm	565.495.160.000	200.026.023.110	176.299.564.453	341.256.706.338	1.283.077.453.901
Phát hành cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (*)	113.096.760.000	(113.096.760.000)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	47.772.769.321	(47.772.769.321)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(42.995.492.389)	(42.995.492.389)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.550.046.253)	(13.550.046.253)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(135.718.384.000)	(135.718.384.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(1.404.000.000)	(1.404.000.000)
Khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	224.072.333.774	418.301.143.183	1.407.894.660.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 10 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 11.309.676 cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/QĐ-HĐQT.15 ngày 4 tháng 5 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 565.495.160.000 VND lên 678.591.920.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo GCNĐKKD điều chỉnh ngày 6 tháng 7 năm 2015.

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	565.495.160.000	434.998.180.000
Tăng trong năm	<u>113.096.760.000</u>	<u>130.496.980.000</u>
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>565.495.160.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	135.718.384.000	113.099.032.000
Cổ tức đã trả	124.173.945.000	143.204.765.000

20.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	678.591.920.000	56.549.516	565.495.160.000
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	56.549.516	565.495.160.000
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	56.549.516	565.495.160.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm: tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	<u>4.079.210.682.329</u>	<u>3.634.241.664.819</u>
Trong đó:		
Cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	4.061.287.022.145	3.609.991.186.145
Bán bất động sản đầu tư	-	10.000.000.000
Khác	17.923.660.184	14.250.478.674

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.301.336.382	7.687.929.925
Khác	<u>14.134.076</u>	<u>3.686.898</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.315.470.458</u>	<u>7.691.616.823</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	3.454.116.549.093	3.014.375.958.978
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	6.148.905.108
Khác	<u>17.032.750.213</u>	<u>14.078.188.681</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.471.149.299.306</u>	<u>3.034.603.052.767</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	68.068.783.530	61.158.462.788
Khác	<u>1.322.609</u>	<u>925.541</u>
TỔNG CỘNG	<u>68.070.106.139</u>	<u>61.159.388.329</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	175.572.368.867	141.784.627.344
Chi phí nhân viên	89.266.660.620	73.869.283.760
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.833.348	11.333.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.926.990.698	55.647.138.491
Khác	13.375.884.201	12.256.871.765
Chi phí quản lý doanh nghiệp	105.066.190.123	98.691.026.915
Chi phí nhân viên	64.763.120.698	56.763.629.241
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.114.410.290	634.101.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.771.640.223	28.245.859.226
Khác	15.417.018.912	13.047.436.754
TỔNG CỘNG	<u>280.638.558.990</u>	<u>240.475.654.259</u>

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	145.126.088.801	91.161.591.765
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	142.206.876.694	87.070.112.644
Khác	2.919.212.107	4.091.479.121
Chi phí khác	(42.296.996)	(730.296.905)
Khác	(42.296.996)	(730.296.905)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>145.083.791.805</u>	<u>90.431.294.860</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên nhiên liệu	1.018.012.802.791	1.086.688.368.211
Chi phí nhân viên	2.068.138.064.922	1.613.089.162.678
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	435.316.487.047	372.471.208.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.797.550.721	142.884.278.754
Khác	68.522.952.815	59.945.688.796
TỔNG CỘNG	<u>3.751.787.858.296</u>	<u>3.275.078.707.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	96.073.073.049	91.841.848.011
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	93.778.300	502.650.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(900.000.000)	(660.000.000)
TỔNG CỘNG	<u>95.266.851.349</u>	<u>91.684.498.011</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	413.751.980.157	396.126.481.147
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	17.943.806.429	18.336.464.361
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	5.000.000.000	3.000.000.000
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	<u>436.695.786.586</u>	<u>417.462.945.508</u>
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	96.073.073.049	91.841.848.011
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	93.778.300	502.650.000
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	<u>96.166.851.349</u>	<u>92.344.498.011</u>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	26.735.507.007	19.907.565.675
Thuế TNDN đã trả trong năm	(96.592.302.658)	(85.516.556.679)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	<u>26.310.055.698</u>	<u>26.735.507.007</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.000.000.000	1.100.000.000	900.000.000	660.000.000

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Chi trả hộ	6.840.849.546	5.548.594.748

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu từ bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Chi trả hộ	1.163.435.828	6.140.741.732

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	4.060.390.000	3.664.640.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.087.037.312	4.116.810.812
Từ 1 - 5 năm	5.117.439.744	7.630.495.500
TỔNG CỘNG	9.204.477.056	11.747.306.312

30. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Quỹ đầu tư phát triển	116.333.042.969	59.966.521.484	176.299.564.453
Quỹ dự phòng tài chính	59.966.521.484	(59.966.521.484)	-
Phải thu ngắn hạn khác	14.080.198.241	10.694.404.492	24.774.602.733
Tài sản ngắn hạn khác	10.694.404.492	(10.694.404.492)	-
Phải thu dài hạn khác	-	517.900.000	517.900.000
Tài sản dài hạn khác	517.900.000	(517.900.000)	-

	VND		
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Năm trước (được phân loại lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	116.409.660.973	(25.248.069.208)	91.161.591.765
Chi phí khác	(25.978.366.113)	25.248.069.208	(730.296.905)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

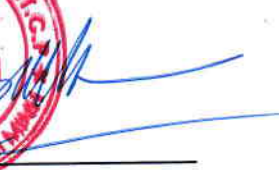
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Võ Việt Nga
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016